

1

H), sinh năm 1988, trú tại: Thôn TA, xã TM, huyện NS, tỉnh Bắc Kạn. Có mặt tại phiên tòa.

* *Người phiên dịch:* Ông Dương Thế H, sinh năm 1987, dân tộc Mông, trình độ văn hóa lớp 12/12. Công tác tại Công an tỉnh Bắc Kạn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có nhu cầu đi làm thuê kiếm tiền nuôi con ăn học nên trong một ngày khoảng tháng 10 năm 2018, chị Sầm Thị H sinh năm 1988, trú tại thôn TA, xã TM, huyện NS, tỉnh Bắc Kạn hỏi chị Sùng Thị K, sinh năm 1993, trú cùng thôn về việc đi làm thuê, chị K nói là có anh trai tên là Sùng Văn S (tên gọi khác là Trường), sinh năm 1991, trú tại thôn NC, xã TN, huyện NH, tỉnh Tuyên Quang biết chỗ làm kiếm được nhiều tiền. Chị H đã hỏi và được chị K cho số điện thoại 0944.487.810 của S để liên lạc. Khoảng 02 ngày sau, chị H dùng số điện thoại 0866.098.945 gọi vào số máy 0944.487.810 của S để hỏi tìm việc làm thì được S cho biết là có chỗ làm, nhưng S không nói là làm ở đâu, mà chỉ nói là mỗi ngày đi làm được trả tiền công khoảng 350.000 đồng (Ba trăm năm mươi nghìn đồng), chị H đã xin S cho đi làm cùng và được S đồng ý. Sau đó, S nói với chị H khi nào đi được thì gọi điện cho S đến đón và dặn chị H không được nói với ai. Khoảng 08 giờ ngày 22/10/2018, sau khi thu xếp xong công việc gia đình chị H đã gọi điện cho S đến đón đi làm. Sau khi nghe điện thoại của chị Sầm Thị H, S dùng số điện thoại 0944.487.810 gọi cho Đào Văn Gi, sinh năm 1972, có hộ khẩu thường trú tại thôn NC, xã TN, huyện NH, tỉnh Tuyên Quang hiện đang làm việc tại Trung Quốc (S không nhớ số điện thoại của Gi) thông báo với Gi là sẽ đưa chị H sang Trung Quốc để làm thuê và hẹn Gi khi nào đưa chị Sầm Thị H đến biên giới giữa Việt Nam - Trung Quốc thì gọi Gi đến đón (Chị H gọi Đào Văn Gi là cậu ruột). Buổi sáng ngày 22/10/2018 S một mình điều khiển chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, màu sơn đen - đỏ, loại xe Wave RSX, biển kiểm soát 22B2 – 048.49 đi từ nhà S đến thôn TA, xã TM, huyện NS đón chị Sầm Thị H. Khi đến cách nhà chị H khoảng 100 mét, S dừng xe rồi gọi điện thoại và nói chị H đi bộ ra vị trí S đang chờ để đi làm. Sau khi nghe điện thoại, chị H không báo cho gia đình biết, chuẩn bị quần áo, mang theo số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) rồi đi bộ đến vị trí S đang chờ. S đã điều khiển xe mô tô chở chị H đi qua thị trấn N, huyện NS, sang thị trấn C, huyện BB, tỉnh Bắc Kạn, rồi đi theo đường quốc lộ 279 đến khoảng 18 giờ cùng ngày, thì S và chị H đến khu vực chợ xã YH, huyện NH, tỉnh Tuyên Quang. Tại đây, S gọi điện thoại cho Sùng Văn Ch là em trai ruột sinh năm 1997, trú tại thôn NC, xã TN, huyện NH nhờ Ch mang xích xe máy đến cuốn vào lốp xe mô tô 22B2 - 048.49 để đi không bị trơn, trượt. Khoảng 30 phút sau, Ch điều khiển xe mô tô loại Jupiter nhãn hiệu Yamaha do Ch mượn của anh trai là Sùng Văn D, không nhớ biển kiểm soát đi đến gặp S rồi cùng ăn cơm với S và chị H tại một quán cơm tại chợ xã YH. Sau khi ăn cơm xong, chị H đưa cho S số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) để S trả tiền ăn. Sau đó, do sợ mọi người nhìn thấy nên S bảo Ch chở chị H đến ngã ba Nặm Lèn, xã TN, huyện NH chờ ở đó, để S đi ra chợ mua đồ cá nhân. Ch đồng ý rồi chở chị H đến ngã ba NL chờ S. Khoảng 05 phút sau, S điều khiển xe mô tô đi đến bảo Ch đi về nhà, rồi S tiếp tục điều khiển xe mô tô chở chị H đi

theo hướng huyện BL, tỉnh Cao Bằng. Khoảng 20 giờ cùng ngày khi đi đến khu 3, thị trấn PM, huyện BL, tỉnh Cao Bằng, do trời đã tối nên S và chị H thuê một phòng tại nhà nghỉ Hồng Hưng và ngủ lại đó.

Khoảng 06 giờ ngày 23/10/2018, S và chị H ngủ dậy, H đưa cho S số tiền 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) để trả tiền nhà nghỉ. Sau đó, S tiếp tục điều khiển xe mô tô chở chị H theo hướng đi huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng để đến biên giới giữa Việt Nam - Trung Quốc. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày, S và chị H đi đến vị trí đường mòn cách cột mốc biên giới số 547 thuộc xóm Nà Mì, xã CP, huyện BL, tỉnh Cao Bằng khoảng 80m thì dừng lại. Tại đây, S gọi điện cho Gi đến đón, nhưng Gi nói là trời mưa chưa đến được nên S và chị H ngồi chờ Gi đến đón. Trong khi ngồi đợi Gi, chị H đưa cho S số tiền 700.000 đồng (Bảy trăm nghìn đồng) nói là tiền công S đưa chị H đi làm. Lúc này, S nảy sinh ý định lừa bán chị H sang Trung Quốc để lấy tiền chi tiêu cá nhân. S cầm tiền chị H đưa cho và nói với chị H: Sang bên Trung Quốc phải lấy chồng Trung Quốc. Chị Sầm Thị H nói là: Sang bên Trung Quốc làm thuê cũng được nhưng đến Tết thì về và không muốn lấy chồng Trung Quốc. S có nói: Ừ, nhưng làm ở đây thì Tết về chắc không được đâu, chị H không nói gì. Đến khoảng 17 giờ cùng ngày, thì Gi cùng hai người đàn ông Trung Quốc đi xe ô tô đến, S tiến về phía địa phận Trung Quốc gặp Gi và nói với Gi là muốn bán chị H luôn cho hai người Trung Quốc đi cùng Gi thì Gi nói: Cháu mình không bán ngay, không bán cho người Trung Quốc đâu, bán cho người H'Mông Trung Quốc thì được, rồi hỏi S: H đang ở đâu? S trả lời: Đang ở dưới. Sau đó, Gi một mình đi bộ về phía địa phận Việt Nam, gặp chị Sầm Thị H và bảo Sang bên Trung Quốc lấy chồng Trung Quốc không phải đi làm thuê, lúc này chị H biết là mình đã bị bán và ép lấy người Trung quốc nên đã khóc, rồi đi theo Gi sang bên địa phận Trung Quốc, đến vị trí S và hai người đàn ông Trung Quốc đang đứng. Tại đây, Gi mượn của Lò P (là chủ làm thuê của Gi ở bên Trung Quốc) số tiền 3.000NDT (Ba nghìn nhân dân tệ) Gi nói với Lò P khi nào bán được H thì sẽ trả cho, nếu không bán được chị H thì sẽ trừ vào tiền công làm thuê, Lò P đồng ý. Sau khi nhận số tiền 3.000NDT (Ba nghìn nhân dân tệ), Gi đưa cho S và bảo S mang về Việt Nam đưa cho Đào Văn S, con trai của Gi, rồi cùng chị H và hai người đàn ông Trung Quốc lên xe ô tô đi vào nội địa Trung Quốc. Còn S sau khi nhận tiền từ Gi đã quay về địa phận Việt Nam, điều khiển xe mô tô đến một cửa hàng tạp hóa tại thị trấn Bảo Lạc, huyện Bảo Lạc đổi số tiền 3.000NDT (Ba nghìn nhân dân tệ) được số tiền 10.000.000 đồng (mười triệu đồng- VNĐ) rồi điều khiển xe mô tô đi về nhà và đưa cho Đào Văn Sinh số tiền nêu trên.

Khoảng 05 ngày sau, Đào Văn Gi từ Trung Quốc gọi điện thoại cho S ở Việt Nam thống nhất nội dung bán chị H cho hai vợ chồng người Trung Quốc để làm vợ cho con trai họ với số tiền 30.000NDT (Ba mươi nghìn nhân dân tệ), người mua trả trước cho Gi 20.000NDT (Hai mươi nghìn nhân dân tệ), còn 10.000NDT (Mười nghìn nhân dân tệ) sẽ trả nếu như chị H không bỏ trốn và S đồng ý. Khi bị bán cho người đàn ông Trung Quốc, chị H không đồng ý, nên Gi nói nếu không đồng ý bán thì sẽ bị đánh, bị giết nên chị H sợ và phải nghe theo Gi. Sau khi bán chị H được số tiền 20.000NDT (Hai mươi nghìn nhân dân tệ), Gi nhờ một người đàn ông Trung Quốc mang 15.000NDT (Mười lăm nghìn nhân dân tệ) đến cột mốc 547 biên giới Việt Nam - Trung Quốc và hẹn S đến

lấy; Gi trả cho Lò P số tiền 5.000NDT (Năm nghìn nhân dân tệ), trong đó có số tiền 3.000NDT (Ba nghìn nhân dân tệ) là tiền Gi đã mượn ngày 23/10/2018 tại khu vực biên giới Việt Nam - Trung Quốc, còn số tiền 2.000NDT là tiền công và tiền Lò P bỏ ra để thuê xe taxi đến đón chị H.

Sau khi bị bán, chị H được hai vợ chồng người Trung Quốc cho biết đã mua chị H với số tiền 30.000NDT (Ba mươi nghìn nhân dân tệ) để về làm vợ cho con trai 21 tuổi của họ tên là Gi Cửa và đe dọa nếu chị H bỏ trốn mà bị bắt lại sẽ bị đánh chết. Sau đó, chị H ở lại gia đình người Trung Quốc được khoảng 15 ngày thì bỏ trốn nhưng bị Gi và người làm thuê cho Lò P bắt và giao lại cho gia đình người Trung Quốc đã mua H, nhưng do H đã bỏ trốn nên họ không mua nữa mà đòi Gi phải trả lại số tiền 20.000NDT (Hai mươi nghìn nhân dân tệ). Do Gi không có tiền nên Lò P đã ứng ra số tiền 20.000NDT (Hai mươi nghìn nhân dân tệ) để trả cho gia đình người Trung Quốc. Khoảng 05 ngày sau, Gi và Lò P tiếp tục mang chị H đi bán cho một người đàn ông Trung Quốc, dân tộc H'Mông khoảng trên 40 tuổi tên là Páo để làm vợ với số tiền là 24.000NDT (Hai mươi bốn nghìn nhân dân tệ), số tiền bán H lần này, Lò P đã lấy hết nên Gi không được hưởng lợi gì. Sau khi bị bán cho Páo, chị H ở lại làm vợ của Páo được khoảng 02 (hai) tháng thì bỏ trốn và được Công an Trung Quốc trả về Việt Nam thông qua Đoàn biên phòng Săm Pun thuộc Bộ chỉ huy Bộ đội biên phòng tỉnh Hà Giang.

Ngày 12/02/2019, chị Sầm Thị H có đơn trình báo gửi đến cơ quan chức năng đề nghị xác minh làm rõ và xử lý Sùng Văn S, Đào Văn Gi theo quy định của pháp luật.

Tại cơ quan điều tra, Đào Văn Gi khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của Gi phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai nhận ban đầu của Sùng Văn S và các tài liệu chứng cứ khác đã thu thập được trong hồ sơ vụ án.

Tại Bản án Hình sự sơ thẩm số 15/2019/HS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn, quyết định:

1. Tuyên bố các bị cáo Đào Văn Gi và Sùng Văn S phạm tội “Mua bán người”

Áp dụng điểm d, e khoản 2 Điều 150; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 xử phạt bị cáo Đào Văn Gi 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 23/02/2019.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 150; khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự 2015 xử phạt bị cáo Sùng Văn S 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 23/02/2019.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586, 587, 592 Bộ luật dân sự. Buộc các bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho người bị hại Sầm Thị H tổng số tiền 38.900.000đ (Ba mươi tám triệu chín trăm nghìn đồng). Mỗi bị cáo phải bồi thường là 19.450.000đ (mười chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Buộc các bị cáo phải liên đới bồi thường cho anh Hoàng Văn D số tiền 34.200.000đ (Ba mươi tư triệu hai trăm nghìn đồng) trong đó mỗi bị cáo phải bồi thường 17.100.000đ (Mười bảy triệu một trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo Sùng Văn S trả lại cho chị Sầm Thị H số tiền 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 30 tháng 9 năm 2019, bị cáo Sùng Văn S kháng cáo kêu oan

Ngày 02 tháng 10 năm 2019, bị cáo Đào Văn Gi kháng cáo kêu oan.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo Sùng Văn S tuy còn khai báo quanh co, nhưng đã nhận tội và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt; bị cáo Đào Văn Gi giữ nguyên kháng cáo kêu oan.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa có quan điểm: Tòa án sơ thẩm xét xử các bị cáo Đào Văn Gi, Sùng Văn S về tội “Mua bán người” theo điểm d khoản 2 Điều 150 BLHS là đúng người đúng tội, mức án đối với hai bị cáo là phù hợp với hành vi, vai trò và đã xem xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Tại phiên tòa, các bị cáo không đưa ra được tình tiết mới để thay đổi bản chất vụ án, cũng như xem xét giảm nhẹ hình phạt nên kháng cáo của các bị cáo không có căn cứ để chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Người bào chữa cho bị cáo Đào Văn Gi có quan điểm: Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Đào Văn Gi tiếp tục kêu oan, bị cáo khai rằng chị Sầm Thị H tự muốn lấy chồng Trung Quốc, bị cáo không ép buộc chị H, cũng không được hưởng lợi gì. Điều này khớp với lời khai của bị cáo Sùng Văn S và người làm chứng là chị Sùng Thị K, chị K khai rằng chị H kể do mâu thuẫn với chồng nên muốn trốn sang Trung Quốc và không về Việt Nam nữa. Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét hủy bản án sơ thẩm để điều tra lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, xét kháng cáo của hai bị cáo, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi phạm tội của hai bị cáo: Căn cứ lời khai nhận của bị cáo Đào Văn Gi tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại tại giai đoạn điều tra, các phiên tòa và phù hợp với những lời khai ban đầu của bị cáo Sùng Văn S, cụ thể: “Ngày 22/10/2018 tôi đã chở H giao cho Đào Văn Gi, ngày 23/10/2018 tại biên giới Việt Nam - Trung Quốc. Sau đó, Gi và tôi thống nhất bán H với số tiền là 20.000NDT (Hai mươi nghìn nhân dân tệ), Gi giữ lại 5.000NDT (Năm nghìn nhân dân tệ) còn tôi được 15.000NDT (Mười lăm nghìn nhân dân tệ)” (BL 261); “Trước khi bán Sầm Thị H, Gi có nói với tôi là đừng nói cho ai biết về việc bán Sầm Thị H, nếu bán được H thì Gi sẽ chia cho tôi số tiền 15.000NDT (Mười lăm nghìn nhân dân tệ)..... Khoảng 05 ngày sau tôi nhận được cuộc gọi của Gi nói là lên chỗ biên giới trước giao H cho Gi tại cột mốc biên giới số 152 để nhận tiền 15.000NDT (Mười lăm nghìn nhân dân tệ), lúc này tôi biết chắc chắn là Gi đã bán được H” (BL266); “Số tiền bán H 15.000NDT (Mười lăm nghìn nhân dân tệ) đổi ra tiền

Ngân hàng Nhà nước Việt Nam và đổi được tổng số tiền là 46.000.000đ (Bốn mươi sáu triệu đồng) tôi đã sử dụng hết” (BL269).

[2] Hội đồng xét xử đủ cơ sở kết luận: Ngày 22/10/2018 Sùng Văn S điều khiển xe mô tô BKS 22B2 - 04849 đến thôn TA, xã TM, huyện NS, tỉnh Bắc Kạn đón rồi chở chị Sầm Thị H đi tìm việc làm. Khoảng 17 giờ ngày 23/10/2018 tại cột mốc biên giới Việt Nam - Trung Quốc số 547 thuộc thôn Cốc Pàng, huyện Bảo Lạc, tỉnh Cao Bằng. Sùng Văn S đã nảy sinh ý định xấu nên đã trao đổi và thống nhất với Đào Văn Gi ép bán chị H cho người Trung Quốc làm vợ. Do hám lợi, Đào Văn Gi đồng ý và trực tiếp đưa chị H vào sâu trong nội địa Trung Quốc, sau đó Đào Văn Gi đã có hành vi 02 lần ép bán chị H cho người Trung Quốc lấy làm vợ, cụ thể:

Lần 1: Khoảng 05 ngày sau khi đưa chị H sang Trung Quốc, Đào Văn Gi gọi điện thoại cho Sùng Văn S ở Việt Nam thống nhất bán chị Sầm Thị H cho vợ chồng người Trung Quốc để làm vợ con trai họ với số tiền 30.000.000NDT (Ba mươi nghìn nhân dân tệ), Gi đã nhận trước 20.000NDT (Hai mươi nghìn nhân dân tệ), còn lại 10.000NDT (Mười nghìn nhân dân tệ) người Trung Quốc sẽ trả nếu chị H không bỏ trốn. Số tiền bán chị H, Đào Văn Gi chia cho Sùng Văn S 15.000NDT (Mười lăm nghìn nhân dân tệ), Đào Văn Gi được 3.000NDT (Ba nghìn nhân dân tệ), Lò P được 2.000NDT (Hai nghìn nhân dân tệ).

Lần 2: Sau khi bị bán lần 01 khoảng 15 ngày, chị H bỏ trốn khỏi gia đình người Trung Quốc thì bị Đào Văn Gi và Lò P bắt lại giao cho gia đình Trung Quốc đã mua chị H nhưng gia đình Trung Quốc không mua nữa mà đòi lại 20.000NDT (Hai mươi nghìn nhân dân tệ). Lò P ứng tiền ra trả lại cho gia đình Trung Quốc rồi Gi và Lò P tiếp tục bán H cho một gia đình khác với số tiền 24.000NDT (Hai mươi tư nghìn nhân dân tệ).

[3] Với những hành vi nêu trên, bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn xét xử và kết án đối với bị cáo Đào Văn Gi và Sùng Văn S về tội “Mua bán người” theo quy định tại Điều 150 Bộ luật Hình sự năm 2015 với tình tiết định khung tăng nặng “Đưa nạn nhân ra khỏi biên giới nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam” quy định tại điểm d khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự 2015, riêng bị cáo Đào Văn Gi còn phải chịu thêm tình tiết định khung tăng nặng “Phạm tội 02 lần trở lên” theo quy định tại điểm e khoản 2 Điều 150 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Các bị cáo không oan.

[4] Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nghiêm trọng, các bị cáo nhận thức rõ hành vi của mình là xâm phạm đến quyền tự do thân thể, danh dự, nhân phẩm của người phụ nữ được pháp luật bảo vệ song vì hám lợi nên đã bất chấp pháp luật để thực hiện hành vi phạm tội. Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo không có kế hoạch từ trước, không bàn bạc, thống nhất và không phân công nhiệm vụ cụ thể và đều là người thực hành. Bị cáo Đào Văn Gi là người trực tiếp đưa chị Sầm Thị H vượt biên giới Việt Nam sang Trung Quốc; là người 02 lần liên lạc thỏa thuận bán chị Sầm Thị H cho 02 gia đình người Trung Quốc mặc dù chị H là cháu ruột bị cáo. Bị cáo Sùng Văn S khi đưa Sầm Thị H đến biên giới mới nảy sinh ý định bán H, là người gọi điện cho Đào Văn Gi đến biên giới đón H sang Trung Quốc và là người khởi xướng việc bán chị H cho người

Trung Quốc; mọi việc tiếp theo là do Gi tiến hành, S không trực tiếp giao dịch bán chỉ H. Do đó, bản án sơ thẩm xác định bị cáo Đào Văn Gi giữ vai trò cao hơn còn bị cáo Sùng Văn S có vai trò thấp hơn là phù hợp. Các bị cáo trước khi phạm tội đều có nhân thân tốt; là người dân tộc thiểu số, trình độ nhận thức và hiểu biết pháp luật còn hạn chế. Do vậy, bản án sơ thẩm cho xác định các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 là đúng pháp luật. Hai bị cáo kháng cáo kêu oan, tại phiên tòa bị cáo Sùng Văn S xin giảm hình phạt nhưng Hội đồng xét xử xét thấy mức án mà bản án sơ thẩm xử phạt bị cáo Gi 09 (Chín) năm tù là ở mức thấp của khung hình phạt, phạt bị cáo S 08 (Tám) năm tù là mức khởi điểm của khung hình phạt quy định tại khoản 2 Điều 150 Bộ luật Hình sự năm 2015 là phù hợp với tính chất mức độ do hành vi phạm tội của hai bị cáo gây ra, phù hợp với đặc điểm nhân thân và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà hai bị cáo được hưởng. Do đó không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bị cáo Sùng Văn S về việc xin giảm nhẹ hình phạt.

[5] Bản án sơ thẩm cũng đã quyết định về trách nhiệm dân sự, buộc hai bị cáo phải liên đới bồi thường cho bị hại Sầm Thị H tổng số tiền 38.900.000đ (Ba mươi tám triệu chín trăm nghìn đồng); bồi thường cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là anh Hoàng Văn D (Chồng chị Sầm Thị H) tổng số tiền mất thu nhập và thuê người đi tìm kiếm chị Sầm Thị H 34.200.000đ (Ba mươi tư triệu hai trăm nghìn đồng); riêng bị cáo Sùng Văn S còn phải trả cho chị Sầm Thị H số tiền 700.000đ S lấy công dẫn chị Sầm Thị H đi tìm việc làm là đúng quy định tại khoản 2 Điều 592 Bộ luật Dân sự năm 2015 và phù hợp với thực tế.

[6] Về án phí: Vì các bị cáo đều là hộ nghèo, hộ cận nghèo nên theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, Hội đồng xét xử miễn án phí hình sự phúc thẩm cho hai bị cáo.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự.

1. Không chấp nhận kháng cáo kêu oan của bị cáo Đào Văn Gi; không chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Sùng Văn S. Giữ nguyên quyết định của bản án Hình sự sơ thẩm số 15/2019/HS-ST ngày 23 tháng 9 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Kạn như sau:

- Tuyên bố các bị cáo Đào Văn Gi và Sùng Văn S phạm tội: “Mua bán người”;

Áp dụng điểm d, e khoản 2 Điều 150; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo Đào Văn Gi 09 (chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 23/02/2019.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 150; khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 xử phạt bị cáo Sùng Văn S 08 (tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 23/02/2019.

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586, 587, 592 Bộ luật Dân sự. Buộc hai bị cáo phải có trách nhiệm liên đới bồi thường cho bị hại Sầm Thị H tổng số tiền 38.900.000đ (Ba mươi tám triệu chín trăm nghìn đồng). Mỗi bị cáo phải bồi thường là 19.450.000đ (mười chín triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Buộc hai bị cáo phải liên đới bồi thường cho anh Hoàng Văn D số tiền 34.200.000đ (Ba mươi tư triệu hai trăm nghìn đồng) trong đó mỗi bị cáo phải bồi thường 17.100.000đ (mười bảy triệu một trăm nghìn đồng).

Buộc bị cáo Sùng Văn S trả lại cho chị Sầm Thị H số tiền 700.000đ (bảy trăm nghìn đồng).

2. Các bị cáo Đào Văn Gi, Sùng Văn S được miễn án phí hình sự phúc thẩm.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh Bắc Kạn;
- VKSND tỉnh Bắc Kạn;
- Trại tạm giam - CA tỉnh Bắc Kạn;
- Cục THA dân sự tỉnh Bắc Kạn;
- Bị cáo Gi, S (qua trại);
- Bị hại (theo đ/c);
- Người có QLNVLQ (theo đ/c);
- Lưu HS, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Hải Thanh